



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 47
8. Phụ lục	48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 13 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 3 8 348 980
- Fax : (84-8) 3 8 348 983

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt thép Thiên Nam Long An	Số 56A Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt thép Thiên Nam Bình Tân	656 Quốc lộ 1 A, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vải giả da, nylon phủ nhựa, màng PVC dạng cuộn. Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Mua bán hạt nhựa, kim loại phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô, salon auto;
- Mua bán vỏ xe ô tô các loại;
- Mua bán bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Mua bán hàng điện gia dụng, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây điều;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Mua bán sắt thép (không hoạt động tại trụ sở) (trừ mua bán vàng miếng);
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm. Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh lĩnh vực nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây hàng năm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Duy Kiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vương Quang Diệu	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vương Quang Diệu - Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Lee



Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Số: 1.0967/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo như trình bày tại thuyết minh số V.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, hiện Tập đoàn đang có các khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán, với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 289.612.106.135 VND. Mặc dù một số cá nhân đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của mình để bảo lãnh cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán này, nhưng chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá rằng liệu giá trị của các tài sản đảm bảo này có đủ để đảm bảo cho khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



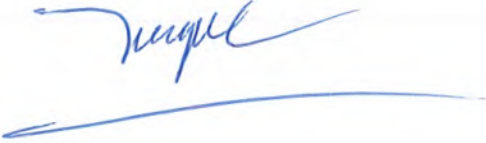
Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

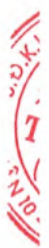
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.285.865.461.621	2.091.796.621.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.690.190.517	86.797.642.228
1. Tiền	111		16.539.417.068	40.849.036.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.150.773.449	45.948.605.531
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		73.571.305.616	60.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	73.571.305.616	60.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.152.326.628.483	945.891.785.701
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	971.056.199.207	691.126.343.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.191.333.128	26.255.852.371
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	151.538.460.576	229.029.867.494
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(472.187.744)	(533.101.228)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.823.316	12.823.316
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	984.744.604.874	991.295.240.635
1. Hàng tồn kho	141		989.361.419.911	991.411.941.196
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.616.815.037)	(116.700.561)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.532.732.131	7.211.952.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.164.682.638	1.831.564.150
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.497.116.067	4.509.455.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	870.933.426	870.933.426
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		383.836.670.578	246.506.415.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.576.919.642	6.658.238.037
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	6.576.919.642	6.658.238.037
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.952.717.086	37.568.805.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.587.693.600	9.421.878.627
- Nguyên giá	222		52.391.752.524	44.375.311.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.804.058.924)	(34.953.433.227)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	450.261.674	1.125.654.206
- Nguyên giá	225		2.026.177.582	2.026.177.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.575.915.908)	(900.523.376)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	26.914.761.812	27.021.272.312
- Nguyên giá	228		28.194.999.917	28.545.999.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.280.238.105)	(1.524.727.605)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	65.296.113.147	69.463.974.243
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(40.906.211.875)	(36.738.350.779)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		264.676.100.000	128.126.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	67.500.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	120.496.100.000	120.496.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	76.680.000.000	7.630.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.334.820.703	4.689.298.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.334.820.703	4.663.601.661
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	25.696.538
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.669.702.132.199	2.338.303.036.988

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.090.127.064.333	1.758.101.029.465
I. Nợ ngắn hạn	310		2.061.049.299.499	1.718.925.275.315
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	460.991.929.440	405.216.354.791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	55.437.959.344	65.879.136.090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23.000.734.549	2.973.103.196
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.541.761.649	4.782.147.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2.927.733.683	2.697.172.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		825.927.922	1.122.278.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	271.993.900.462	109.262.947.747
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.244.329.352.450	1.126.992.134.847
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29.077.764.834	39.175.754.150
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	26.653.273.675	38.246.808.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	2.424.491.159	928.946.150
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		579.575.067.866	580.202.007.523
I. Vốn chủ sở hữu	410		579.575.067.866	580.202.007.523
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	4.034.353.637	4.034.353.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	31.763.082.105	31.763.082.105
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	64.089.914.291	58.545.326.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		48.481.817.291	58.545.326.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.608.097.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	(4.096.396.867)	2.075.130.323
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.669.702.132.199	2.338.303.036.988

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập


Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.447.640.217.235	5.447.191.976.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	419.278.661	254.856.757
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.447.220.938.574	5.446.937.119.368
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.262.317.140.284	5.235.745.446.842
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		184.903.798.290	211.191.672.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	36.762.860.369	7.550.073.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	106.271.261.877	94.376.637.939
Trong đó: chi phí lãi vay	23		103.989.816.914	91.018.040.939
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	47.242.720.715	61.487.568.081
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	42.332.193.597	37.550.944.591
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.820.482.470	25.326.595.405
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.984.665.358	2.661.192.319
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.990.764.101	2.084.450.301
14. Lợi nhuận khác	40		993.901.257	576.742.018
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.814.383.727	25.903.337.423
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	15.273.653.799	6.274.139.505
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	25.696.538	71.220.047
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.515.033.390</u>	<u>19.557.977.871</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		15.608.097.000	24.444.336.442
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.093.063.610)	(4.886.358.571)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>260</u>	<u>393</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>260</u>	<u>393</u>


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập


 Phạm Việt Đạt
 Kế toán trưởng


 Vương Quang Diệu
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.814.383.727	25.903.337.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10; V.11; V.12	7.620.056.308	9.088.590.496
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	4.439.200.992	(681.995.104)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4; VI.5	(269.400.862)	100.194.846
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(22.737.635.895)	(372.116.099)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	103.989.816.914	91.018.040.939
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.856.421.184	125.056.052.501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(204.642.526.661)	(43.795.744.553)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.050.521.285	(64.720.981.753)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		201.961.424.862	179.958.675.304
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.004.337.530)	1.578.349.274
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; V.19a; VI.5	(103.629.765.079)	(91.056.189.601)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3.921.028.041)	(6.454.481.440)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(11.368.799.944)	(9.147.941.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.698.089.924)	91.419.137.996
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(10.231.340.670)	(882.821.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	1.000.129.869	80.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(82.021.305.616)	(60.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.120.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(67.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a; V.5a; VI.4	19.494.994.458	2.710.744.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(139.257.521.959)	(54.572.077.827)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM


Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

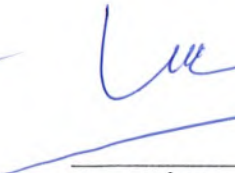
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	4.352.991.552.888	3.483.167.719.110
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(4.233.494.183.548)	(3.493.129.067.199)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(664.606.728)	(664.606.728)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		118.832.762.612	(10.625.954.817)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.122.849.271)	26.221.105.352
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	86.797.642.228	60.564.950.422
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.397.560	11.586.454
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.690.190.517	86.797.642.228

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập


 Phạm Viết Đạt
 Kế toán trưởng


 Vương Quang Diệu
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Số 3, Đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn sản phẩm, thực phẩm công nghệ	98%	51%	98%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phân phối si ngành hàng điện máy	93,75%	93,75%	93,75%	93,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục	68%	68%	68%	68%
Công ty Cổ phần Nahaviwel	Số 2/41 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng công nghiệp	65%	65%	65%	65%

5b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chi đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina có trụ sở chính tại Số 56A, Quốc lộ 1A, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu trong ứng của năm trước trước so sánh được với số liệu của năm này.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 158 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 142 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ trong ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

015-C
TY
HỮU
TƯ VÀ
C
HỒ CH

7204
TY
HƯƠNG
ÁP KH
N N
IME
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí quảng cáo và phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng

Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng đã trả cho quyền thuê mặt bằng đang sử dụng. Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (72 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng là các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra phục vụ giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng. Chi phí san lấp mặt bằng gắn với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 25 năm.

14. **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1172
CÔNG
AN TH
T NH
HIỆT
(TET)
V 10 -

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm này mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	425.060.043	1.172.623.753
Tiền gửi ngân hàng	16.114.357.025	39.676.412.944
Các khoản tương đương tiền (*)	48.150.773.449	45.948.605.531
Cộng	64.690.190.517	86.797.642.228

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành trị giá 47.278.773.449 VND, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh trị giá 872.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	73.571.305.616	73.571.305.616	60.600.000.000	60.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	73.571.305.616	73.571.305.616	60.600.000.000	60.600.000.000
Dài hạn	76.680.000.000	76.680.000.000	7.630.000.000	7.630.000.000
Trái phiếu	51.050.000.000	51.050.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	25.630.000.000	25.630.000.000	7.630.000.000	7.630.000.000
Cộng	150.251.305.616	150.251.305.616	68.230.000.000	68.230.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh trị giá 22.900.000.000 VND, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trị giá 4.300.000.000 VND, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trị giá 14.760.986.304 VND, Ngân hàng TMCP Sài Gòn trị giá 51.050.000.000 VND, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 trị giá 5.000.000.000 VND và Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trị giá 9.300.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Toàn bộ trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh trị giá 5.000.000.000 VND và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trị giá 20.630.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	67.500.000.000	-
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	-
Cộng	<u>67.500.000.000</u>	<u>-</u>

Trong năm, Tập đoàn đã góp 67.500.000.000 VND chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 30% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina (số đầu năm là 0% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Góp vốn	67.500.000.000	-
Số cuối năm	<u>67.500.000.000</u>	<u>-</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	1.305.030.199.943	-
Mua hàng hóa	45.496.869.572	-
Cho thuê bất động sản đầu tư	20.000.000	-
Lãi phạt trả chậm	5.400.192.538	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nahaviwel Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	496.100.000	-	-	496.100.000	-	-
Cộng	<u>120.496.100.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.496.100.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502401667 ngày 26 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu 120.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108691200 ngày 09 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Nahaviwel Miền Bắc 496.100.000 VND, tương đương 32,25% vốn điều lệ. Tập đoàn không có các ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nahaviwel Miền Bắc nên khoản đầu tư này được trình bày ở khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	324.058.254.165	6.205.896.677
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tinh Phát Vina	317.827.357.488	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	6.230.896.677	6.205.896.677
Phải thu các khách hàng khác	646.997.945.042	684.920.447.071
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	97.429.303.967	154.363.798.163
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	91.379.308.137	34.905.812.033
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nhật Kim	44.850.684.000	47.850.684.000
Công ty TNHH Việt Quang	39.347.902.388	39.737.902.388
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật tư 621	26.856.026.623	28.856.026.623
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Môn STL	25.435.924.779	26.749.010.486
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh Vật tư An Thịnh	9.567.565.000	11.567.565.000
Các khách hàng khác	312.131.230.148	340.889.648.378
Cộng	<u>971.056.199.207</u>	<u>691.126.343.748</u>

Nợ quá hạn

Công ty có các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm và trên 3 năm. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nhật Kim	44.850.684.000	47.850.684.000
Công ty TNHH Việt Quang	39.347.902.388	39.737.902.388
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Tiên Tiến	28.066.516.000	30.066.516.000
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Minh Huệ	27.448.624.000	29.448.624.000
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật Tư 621	26.856.026.623	28.856.026.623
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xây dựng Công trình Miền Nam	22.589.924.000	24.589.924.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xây dựng An Khang	21.212.180.000	21.212.180.000
Công ty TNHH Thương mại Navico Sài Gòn	19.950.000.000	19.950.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Nhà phố và Địa ốc Saigon New	14.753.184.000	16.753.184.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô	14.322.826.724	14.322.826.724
Công ty TNHH Đầu tư Metro Star	13.089.579.000	13.089.579.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh Vật tư An Thịnh	9.567.565.000	11.567.565.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Nông sản Xây dựng Đô Thành	7.557.094.400	7.557.094.400
Cộng	<u>289.612.106.135</u>	<u>305.002.106.135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bà Trần Duy Kiều, Ông Lê Vũ Minh Tuấn dùng tài sản đảm bảo bảo lãnh các khoản phải thu của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Bà Trần Duy Kiều, Ông Lê Vũ Minh Tuấn dùng tài sản đảm bảo bảo lãnh các khoản phải thu của Công ty. Chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 989127, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00945 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ký cấp ngày 27 tháng 3 năm 2018 tọa lạc tại 352/21 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 532874, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01286 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ký cấp ngày 01 tháng 4 năm 2019 tọa lạc tại 401/2A đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng 942,3m² diện tích đất ở tại Khu đô thị Công nghệ FPT, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Bà Tống Thị Quang và Ông Lê Quốc Khánh dùng toàn bộ 29,5% cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Nahaviwel đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ nợ phải thu của Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Minh Tùng	10.140.000.000	10.140.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật tư 621	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Bình	6.412.120.000	-
Bà Dương Thụy Kim Ngân	-	5.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.639.213.128	3.115.852.371
Cộng	30.191.333.128	26.255.852.371

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	85.331.018.801	-	87.537.630.400	-
Bà Trần Thị Minh Trang - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	47.000.000.000	-	47.000.000.000	-
Bà Trần Thị Minh Trang - Tiền mượn tạm	-	-	4.404.000.000	-
Bà Trần Duy Kiều - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất	10.300.000.000	-	10.300.000.000	-
Quỹ thưởng Hội đồng quản trị chi vượt nguồn	7.298.707.401	-	-	-
Ông Nguyễn Quang Hòa - Tạm ứng ⁽ⁱⁱ⁾	5.742.681.000	-	12.000.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Thư - Đặt cọc mua quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	5.300.000.000	-	5.300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Ngô Bình Giang:	7.299.630.400	-	6.587.630.400	-
- Đặt cọc mua quyền sử dụng đất	5.053.000.000	-	5.073.000.000	-
- Xin cấp giấy chứng nhận đầu tư công trình	800.000.000	-	1.014.630.400	-
- Xin giấy phép xây dựng	1.446.630.400	-	500.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Hòa - Tiền mượn	2.150.000.000	-	1.446.000.000	-
Bà Trần Duy Kiều - Tạm ứng	240.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	66.207.441.775	-	141.492.237.094	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ TN9 - Hợp tác đầu tư	-	-	65.000.000.000	-
Bà Vương Thanh Thảo - Ký quỹ mua cổ phần ⁽ⁱⁱⁱ⁾	44.500.000.000	-	44.500.000.000	-
Ông Trương Tuấn Anh - Ký quỹ mua cổ phần ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Vũ - Ký quỹ mua cổ phần ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đất nền Hạnh Phúc - Ký quỹ mua cổ phần	-	-	12.636.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn	247.908.284	-	269.788.788	-
Lãi dự thu	3.631.534.806	-	993.789.721	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.000.000	-	125.000.000	-
Phải thu người lao động	655.001.969	-	126.452.498	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.464.996.716	-	7.341.206.087	-
Cộng	151.538.460.576	-	229.029.867.494	-

- (i) Khoản tạm ứng tiền mua quyền sử dụng đất của dự án Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- (ii) Khoản tạm ứng để phát triển dự án Khu dân cư Công nghiệp Phước Bình, Xã Phước Bình, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- (iii) Theo hợp đồng đặt cọc và hứa chuyển nhượng cổ phần ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Ozon Xanh để sở hữu 100% vốn của công ty với tổng giá trị chuyển nhượng là 74.900.000.000 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cơ điện Hoàng Hưng	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	89.584.432	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	89.584.432	-
Công ty TNHH MTV Kết cấu Thép Hồng Phúc	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	87.190.985	61.033.690	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	59.799.981	41.859.987
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	59.799.981	29.899.991			
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	330.102.584	231.071.809
	Trên 3 năm	560.413.260	233.867.233	Trên 3 năm	560.413.260	233.867.233
Cộng		796.988.658	324.800.914		1.039.900.257	506.799.029

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	533.101.228	748.098.682
Trích lập dự phòng bổ sung		52.452.804
Hoàn nhập dự phòng	(60.913.484)	(267.450.258)
Số cuối năm	472.187.744	533.101.228

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	21.235.700.038	-
Nguyên liệu, vật liệu	993.278.592	-	41.234.306	-
Công cụ, dụng cụ	99.643.964	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	800.653.591	-	7.005.600	-
Thành phẩm	955.717.913	-	-	-
Hàng hóa (*)	986.441.983.567	(4.616.815.037)	970.123.158.435	(116.700.561)
Hàng gửi đi bán	70.142.284	-	4.842.817	-
Cộng	989.361.419.911	(4.616.815.037)	991.411.941.196	(116.700.561)

(*) Số dư cuối kỳ bao gồm hàng hóa bất động sản trị giá 32.669.922.445 VND. Theo Hợp đồng mua bán căn hộ, Tập đoàn đã mua 06 căn hộ thuộc Dự án Léman Luxury Apartments của Công ty Cổ phần C.T - Phương Nam và đã thanh toán 95% giá trị căn hộ. Tập đoàn cũng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc và đã thu được 54% giá trị hợp đồng.

Một số hàng hóa tồn kho cuối năm với giá trị lần lượt theo tỷ lệ là 150%/dư nợ vay, 135%/dư nợ vay và 110% dư nợ vay và đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	116.700.561	583.698.211
Trích lập dự phòng bổ sung	4.500.114.476	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(466.997.650)
Số cuối năm	<u>4.616.815.037</u>	<u>116.700.561</u>

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	185.285.951	154.496.279
Chi phí quảng cáo	-	34.712.663
Chi phí thi công, sửa chữa	290.696.456	98.262.450
Phí Upas LC	3.173.618.078	234.882.855
Chi phí thuê văn phòng	-	165.258.800
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.515.082.153	1.143.951.103
Cộng	<u>5.164.682.638</u>	<u>1.831.564.150</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	33.080.400	171.034.161
Chi phí sửa chữa	2.138.000.996	3.354.997.014
Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng	791.666.678	1.041.666.674
Các chi phí trả trước dài hạn khác	372.072.629	95.903.812
Cộng	<u>3.334.820.703</u>	<u>4.663.601.661</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.778.328.727	18.879.827.400	10.500.972.287	103.618.190	112.565.250	44.375.311.854
Mua sắm trong năm	125.571.000	8.387.062.363	1.718.707.307	-	-	10.231.340.670
Thanh lý TSCĐ	-	-	(2.214.900.000)	-	-	(2.214.900.000)
Số cuối năm	<u>14.903.899.727</u>	<u>27.266.889.763</u>	<u>10.004.779.594</u>	<u>103.618.190</u>	<u>112.565.250</u>	<u>52.391.752.524</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.463.982.854	17.704.127.410	2.924.690.182	55.778.000	30.065.250	25.178.643.696
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.327.210.262	17.775.967.564	7.697.359.744	69.216.970	83.678.687	34.953.433.227
Khấu hao trong năm	830.770.799	709.187.791	1.098.328.111	5.980.020	26.025.459	2.670.292.180
Thanh lý TSCĐ	-	-	(1.819.666.483)	-	-	(1.819.666.483)
Số cuối năm	<u>10.157.981.061</u>	<u>18.485.155.355</u>	<u>6.976.021.372</u>	<u>75.196.990</u>	<u>109.704.146</u>	<u>35.804.058.924</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.451.118.465	1.103.859.836	2.803.612.543	34.401.220	28.886.563	9.421.878.627
Số cuối năm	<u>4.745.918.666</u>	<u>8.781.734.408</u>	<u>3.028.758.222</u>	<u>28.421.200</u>	<u>2.861.104</u>	<u>16.587.693.600</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.362.674.835 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Học Môn (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Tập đoàn bao gồm phương tiện vận tải, truyền dẫn chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.026.177.582	900.523.376	1.125.654.206
Khấu hao trong năm		675.392.532	
Số cuối năm	2.026.177.582	1.575.915.908	450.261.674

Theo hợp đồng thuê tài sản số B20080971 ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	670.531.500	28.545.999.917
Giảm khác	-	-	(351.000.000)	(351.000.000)
Số cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	319.531.500	28.194.999.917
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	319.531.500	319.531.500
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	960.706.605	564.021.000	1.524.727.605
Khấu hao trong năm	-	-	106.510.500	106.510.500
Giảm khác	-	-	(351.000.000)	(351.000.000)
Số cuối năm	-	960.706.605	319.531.500	1.280.238.105
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	106.510.500	27.021.272.312
Số cuối năm	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.255.147.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn chỉ bao gồm cơ sở hạ tầng cho thuê, chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	106.202.325.022	36.738.350.779	69.463.974.243
Khấu hao trong năm	-	4.167.861.096	-
Số cuối năm	106.202.325.022	40.906.211.875	65.296.113.147

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà, Số 451 - 453 Nguyễn Tri Phương	141.035.215	141.035.215	-
Nhà, Số 01 - 03 Ngô Gia Tự	225.346.533	200.182.808	25.163.725
Nhà, Số 355 - 365 Ngô Gia Tự	1.090.075.017	825.065.706	265.009.311
Nhà, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	523.520.568	465.060.883	58.459.685
Nhà, Số 07 - 09 Lý Thái Tổ	59.117.794	59.117.794	-
Văn phòng làm việc, Số 355 Ngô Gia Tự	291.231.724	220.429.977	70.801.747
Văn phòng làm việc, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	1.627.213.182	1.627.213.182	-
Văn phòng làm việc, Số 451-453 Nguyễn Tri Phương	178.431.190	178.431.190	-
Tòa nhà cao ốc văn phòng, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự	22.794.709.320	11.164.639.240	11.630.070.080
Cửa hàng Kinh doanh và Văn phòng, Số 277B Cách mạng tháng 8	79.271.644.479	26.025.035.880	53.246.608.599
Cộng	106.202.325.022	40.906.211.875	65.296.113.147

Toàn bộ bất động sản đầu tư đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất chi tiết phát sinh. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.696.538	96.916.585
Phát sinh trong năm	-	25.696.538
Hoàn nhập trong năm	(25.696.538)	(96.916.585)
Số cuối năm	-	25.696.538

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	215.446.784.185	145.988.994.093
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	59.705.740.789	51.529.888.226
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Lê Khánh	-	39.942.662.211
Công ty TNHH SMC - Summit	29.999.475.762	37.135.589.964
Các nhà cung cấp khác	155.839.928.704	130.619.220.297
Cộng	460.991.929.440	405.216.354.791

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc (*)	36.870.147.194	53.397.392.697
Công ty Cổ phần Phạm Phúc Gia	6.480.000.000	7.800.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Long Thịnh Việt	7.800.000.000	-
Các khách hàng khác	4.287.812.150	4.681.743.393
Cộng	55.437.959.344	65.879.136.090

(*) Khoản trả trước tiền chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ thuộc Dự án Léman Luxury Apartments (xem thuyết minh số V.7).

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	16.785.628	-	13.876.941.552	(4.431.859.702)	9.461.867.478	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	15.916.496.373	(15.916.496.373)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	863.303.884	(863.303.884)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.103.606.135	(1.103.606.135)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	908.200.367	849.080.400	15.273.653.799	(3.921.028.041)	12.260.826.125	849.080.400
Thuế thu nhập cá nhân	1.516.144.979	-	2.836.783.096	(3.405.823.634)	947.104.441	-
Thuế nhà thầu	-	21.853.026	5.500.000	(5.500.000)	-	21.853.026
Tiền thuế đất	-	-	5.258.061.891	(5.258.061.891)	-	-
Các loại thuế khác	531.972.222	-	273.229.139	(474.264.856)	330.936.505	-
Cộng	2.973.103.196	870.933.426	55.407.575.869	(35.379.944.516)	23.000.734.549	870.933.426

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Doanh thu trong nước	05%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Riêng trong giai đoạn từ 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất 8% đối với hàng hóa tiêu thụ trong nước theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tại Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	-
Tại Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam	15.273.653.799	6.274.139.505
Tại Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	-	-
Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	-	-
Tại Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	-	-
Cộng	<u>15.273.653.799</u>	<u>6.274.139.505</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.776.549.648	1.431.855.019
Chi phí thuế TNCN nộp thay	296.541.668	477.583.334
Tiền chậm nộp tiền thuê đất truy thu mặt bằng 111 - 121 Ngô Gia Tự	415.461.242	-
Chi phí hoa hồng môi giới	-	388.152.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	439.181.125	399.581.970
Cộng	<u>2.927.733.683</u>	<u>2.697.172.323</u>

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>37.075.000.000</u>	<u>43.545.000.000</u>
Ông Nguyễn Quang Hòa - Tiền mượn	31.575.000.000	38.045.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang - Tiền mượn	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	500.000.000	500.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>234.918.900.462</u>	<u>65.717.947.747</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Bảo lãnh thanh toán	185.903.598.838	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại So Ho Nữ Ước	21.577.000.000	14.775.000.000
Ông Hồ Nam Huy - Đầu tư Dự án suối Rao (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận hàng Quốc tế	8.440.000.000	26.200.000.000
Ông Hồ Tấn Cường - Phải trả tiền góp vốn	1.200.000.000	-
Bà Phạm Thị Kim Trâm - Tiền mượn	1.450.000.000	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	197.470.000	30.150.000
Lãi vay phải trả	32.878.100	17.520.894
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.117.953.524	1.695.276.853
Cộng	<u>271.993.900.462</u>	<u>109.262.947.747</u>

(*) Đây là khoản Ông Hồ Nam Huy hợp tác đầu tư Dự án “ Khu dân cư kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Thiên Nam” tại xã Suối Rao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo hợp đồng nguyên tắc Hợp tác đầu tư phát triển dự án ngày 15 tháng 4 năm 2021 giá trị hợp đồng là 102.000.000.000 VND.

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	17.000.000.000	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam		
Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	17.000.000.000	29.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	9.653.273.675	9.246.808.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.653.273.675	9.246.808.000
Cộng	<u>26.653.273.675</u>	<u>38.246.808.000</u>

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.030.274.588	1.050.225.528.119
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	397.821.464.382	399.621.879.317
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	111.424.345.997	234.674.476.657
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành ⁽ⁱⁱⁱ⁾	474.491.480.704	174.527.301.204
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	149.850.318.484	149.630.170.553
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 ^(v)	4.999.990.743	63.497.632.987
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn ^(vi)	28.150.528.128	19.586.067.401
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(vii)	26.299.994.325	8.688.000.000
Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(viii)	45.992.151.825	-
Vay ngắn hạn tổ chức khác ^(ix)	450.000.000	450.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(x)	2.664.000.000	75.508.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.742.006.712	144.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	443.071.150	664.606.728
Cộng	<u>1.244.329.352.450</u>	<u>1.126.992.134.847</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 4,5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu (xem thuyết minh số V.2a); các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11); bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.12) và 15 quyền sử dụng đất của Bà Trần Thị Minh Trang với tổng diện tích 80.959,40 m² tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xem thuyết minh số VII.2a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1), các tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9) và bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho luân chuyển là sắt thép các loại giá trị tối thiểu 110% dư nợ vay và tương đương vay (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1) và hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn tài trợ của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.7).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và phát hành L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1) và hàng tồn kho luân chuyển là sắt thép các loại giá trị tối thiểu 150% dư nợ vay và tương đương vay (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại thửa đất số 440, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ 401/2A Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; bất động sản tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ 352/21 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh và 08 lô đất tại Khu đô thị công nghệ FPT, Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của Bà Trần Duy Kiều, trị giá 58.884.541.000 VND (xem thuyết minh số VII.2a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn để thanh toán các khoản nợ với lãi suất 6%/năm thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và các tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ 436 Phú Thọ Hoà, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Minh Luận và Bà Lê Thị Thùy Trang trị giá 14.512.000.000 VND (xem thuyết minh số VII.2a).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 20% hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ix) Khoản vay Công ty Cổ phần Giao nhận hàng Quốc tế để thanh toán tiền hàng với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (x) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân khác để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.050.225.528.119	4.343.115.303.339	-	(4.154.310.556.870)	1.239.030.274.588
Vay ngắn hạn tổ chức khác	450.000.000	-	-	-	450.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	75.508.000.000	5.583.000.000	-	(78.427.000.000)	2.664.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	144.000.000	-	1.742.006.712	(144.000.000)	1.742.006.712
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	664.606.728	-	443.071.150	(664.606.728)	443.071.150
Cộng	1.126.992.134.847	4.348.698.303.339	2.185.077.862	(4.233.546.163.598)	1.244.329.352.450

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.424.491.159	485.875.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn ⁽ⁱ⁾	2.237.616.159	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	186.875.000	284.375.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn	-	201.500.000
Nợ thuê tài chính⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	443.071.150
Cộng	2.424.491.159	928.946.150

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất que hàn với lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn tối đa 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ford XLS 4X2 AT - 2.2L - 5 chỗ với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 05 /năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe tải pickup cabin kép nhãn hiệu ford, biển số 51D-669.76 (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease để mua xe ô tô.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.166.497.871	1.742.006.712	2.424.491.159	-
Nợ thuê tài chính	443.071.150	443.071.150	-	-
Cộng	4.609.569.021	2.185.077.862	2.424.491.159	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	629.875.000	144.000.000	485.875.000	-
Nợ thuê tài chính	1.107.677.878	664.606.728	443.071.150	-
Cộng	1.737.552.878	808.606.728	928.946.150	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	443.071.150	-	-	443.071.150
Lãi thuê phải trả	15.002.422	-	-	15.002.422
Nợ thuê tài chính phải trả	458.073.572	-	-	458.073.572
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	664.606.728	443.071.150	-	1.107.677.878
Lãi thuê phải trả	77.626.811	15.002.422	-	92.629.233
Nợ thuê tài chính phải trả	742.233.539	458.073.572	-	1.200.307.111

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	485.875.000	4.293.249.549	(1.742.006.712)	(612.626.678)	2.424.491.159
Nợ thuê tài chính	443.071.150	-	(443.071.150)	-	-
Cộng	928.946.150	4.293.249.549	(2.185.077.862)	(612.626.678)	2.424.491.159

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	682.161.189	1.909.587.422	(1.863.429.000)	728.319.611
Quỹ phúc lợi	3.244.855.296	818.394.609	(5.039.477.800)	(976.227.895)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(4.196.805.273)	1.363.991.016	(4.465.893.144)	(7.298.707.401)
Cộng	(269.788.788)	4.091.973.047	(11.368.799.944)	(7.546.615.685)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn công ty mẹ đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.5a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

22b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.576.264	49.576.264
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.576.264	49.576.264
- Cổ phiếu phổ thông	49.576.264	49.576.264
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu phổ thông	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.231.310	49.231.310
- Cổ phiếu phổ thông	49.231.310	49.231.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 07 tháng 5 năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.727.982.031
- Trích Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị	1.363.991.016
- Trích Quỹ tham gia công tác xã hội	1.000.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	14.793.071.800	12.946.921.000
Trên 01 năm đến 05 năm	40.705.589.458	42.655.629.041
Trên 05 năm	7.090.246.575	13.201.446.575
Cộng	<u>62.588.907.833</u>	<u>68.803.996.616</u>

23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 5.004,24 USD (số đầu năm là 24.564,39 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	6.297.687.480.243	5.301.832.399.239
Doanh thu bán thành phẩm	89.196.409.133	93.289.876.841
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	48.230.308.268	45.023.133.299
Doanh thu dịch vụ khác	12.526.019.591	7.046.566.746
Cộng	<u>6.447.640.217.235</u>	<u>5.447.191.976.125</u>

Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	48.230.308.268	45.023.133.299
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	19.036.238.289	18.224.240.524
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>29.194.069.979</u>	<u>26.798.892.775</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	17.390.600.874	3.243.409.783
Cho thuê bất động sản đầu tư	15.408.000.000	14.124.000.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	17.330.876	30.665.776
Hàng bán bị trả lại	309.796.314	224.121.588
Giảm giá hàng bán	92.151.471	69.393
Cộng	<u>419.278.661</u>	<u>254.856.757</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.152.305.902.800	5.128.094.325.620
Giá vốn của thành phẩm đã bán	82.250.176.486	82.806.438.135
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	19.036.238.289	18.224.240.524
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	8.841.523.270	7.087.440.213
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(116.700.561)	(466.997.650)
Cộng	<u>6.262.317.140.284</u>	<u>5.235.745.446.842</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.633.683.915	2.179.502.568
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	48.547.658	37.207.357
Lãi chuyển nhượng cổ phần	7.011.111.455	-
Lãi đầu tư trái phiếu	8.487.944.173	1.170.372.158
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	615.380.495	1.720.028.328
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	269.400.862	-
Lãi bán hàng trả chậm	13.696.791.811	2.442.963.079
Cộng	<u>36.762.860.369</u>	<u>7.550.073.490</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	103.989.816.914	91.018.040.939
Lỗ từ hoạt động đầu tư dự án	-	3.000.000.000
Chiết khấu thanh toán	-	6.391.430
Lãi mua hàng trả chậm	8.802.864	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.272.642.099	162.439.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	100.194.846
Chi phí tài chính khác	-	89.570.895
Cộng	<u>106.271.261.877</u>	<u>94.376.637.939</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.274.401.076	11.960.145.334
Chi phí vật liệu, bao bì	363.705.231	345.473.989
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.213.879	321.914.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.237.497.219	1.095.964.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.553.978.657	36.967.464.261
- Chi phí tiện ích	573.698.437	461.689.185
- Chi phí thuê kho, bảo trì	1.183.573.129	1.562.197.471
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	285.700.758	137.433.371
- Chi phí nhận hàng tự doanh	16.756.211.241	32.653.622.561
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.754.795.092	2.152.521.673
Chi phí khác	11.650.924.653	10.796.604.911
Cộng	<u>47.242.720.715</u>	<u>61.487.568.081</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.383.212.124	19.632.529.598
Chi phí vật liệu, bao bì	360.896.554	595.048.677
Chi phí đồ dùng văn phòng	333.139.445	373.470.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.575.608.913	1.939.532.784
Dự phòng phải thu khó đòi	(60.913.484)	(214.997.454)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.801.395.380	10.105.939.049
Các chi phí khác	3.938.854.665	5.119.421.505
Cộng	<u>42.332.193.597</u>	<u>37.550.944.591</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	604.896.352	22.241.373
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	180.219.328	1.427.328.000
Phí vận chuyển, bảo hiểm	428.511.214	709.615.853
Thu nhập khác	1.770.970.464	502.007.093
Cộng	<u>2.984.665.358</u>	<u>2.661.192.319</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý vật tư đóng gói	-	43.518.219
Phạt do vi phạm hợp đồng	956.011.140	1.224.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	886.298.203	419.945.649
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	33.545.245
Phạt vi phạm hành chính	6.650.000	250.663.048
Chi phí khác	141.804.758	112.778.140
Cộng	<u>1.990.764.101</u>	<u>2.084.450.301</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	15.608.097.000	24.444.336.442
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.809.457.460)	(4.091.973.047)
Trích Quỹ tham gia công tác xã hội	-	(1.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.798.639.540	19.352.363.395
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	49.231.310	49.231.310
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>260</u>	<u>393</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tham gia công tác xã hội khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc tính lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 375 VND lên 393 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.685.178.172	85.319.190.035
Chi phí nhân công	31.136.408.568	32.336.801.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.620.056.308	9.088.590.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.165.522.117	51.970.724.039
Chi phí khác bằng tiền	35.201.648.476	31.713.647.004
Cộng	<u>205.808.813.641</u>	<u>210.428.952.865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	60.062.408.141	40.641.219.291
Trên 01 năm đến 05 năm	170.703.956.210	122.171.622.945
Trên 05 năm	179.350.934.727	179.229.898.795
Cộng	410.117.299.078	342.042.741.032

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Quang Hòa		
Tạm ứng	24.742.681.000	12.000.000.000
Hoàn trả tạm ứng	31.000.000.000	12.603.000.000
Tiền mượn	72.699.000.000	-
Bà Trần Thị Minh Trang		
Mượn tạm tiền mua hàng	1.672.110.000	1.442.510.000
Hoàn trả tiền mượn tạm tiền mua hàng	-	1.672.110.000
Ông Lê Đức Hoàng Long		
Hoàn tạm ứng	-	444.890.000
Bà Trần Duy Kiều		
Tạm ứng	-	240.000.000
Ông Vương Quang Diệu		
Tạm ứng	5.552.270.000	-
Hoàn trả tạm ứng	5.552.270.000	-
Ông Ngô Bình Giang		
Tạm ứng chi phí pháp lý dự án	-	2.450.000.000
Xin cấp giấy chứng nhận đầu tư công trình	-	1.014.630.400
Xin giấy phép xây dựng	-	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Bà Trần Thị Minh Trang – Cổ đông Công ty mẹ dùng 15 quyền sở hữu đất thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

Bà Trần Duy Kiều – Cổ đông Công ty mẹ dùng bất động sản tại thửa đất số 440, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ 401/2A Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; bất động sản tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ 352/21 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh và 08 lô đất tại Khu đô thị công nghệ FPT, Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 (xem thuyết minh số V.20a).

Ông Trần Minh Luận và Bà Lê Thị Thùy Trang – Cổ đông Công ty mẹ dùng bất động sản tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ 436 Phú Thọ Hoà, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Quang Hòa – Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	600.000.000	600.000.000
Ông Vương Quang Diệu – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.220.281.787	420.000.000	2.640.281.787
Ông Hồ Văn Tuyên – Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	600.000.000	600.000.000
Bà Trần Thị Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị	-	360.000.000	360.000.000
Bà Trần Thị Trang Bích lịch – Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị	72.000.000	240.000.000	312.000.000
Ông Nguyễn Minh Thư – Phó Tổng Giám đốc	1.163.652.000	-	1.163.652.000
Ông Phạm Viết Đạt – Kế toán trưởng	1.250.538.000	-	1.250.538.000
Cộng	4.706.471.787	2.220.000.000	6.926.471.787

Năm trước

Ông Nguyễn Quang Hòa – Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	300.000.000	300.000.000
Ông Vương Quang Diệu – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	3.163.495.448	210.000.000	3.373.495.448
Ông Hồ Văn Tuyên – Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	330.000.000	330.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang - Thành viên Hội đồng quản trị	-	180.000.000	180.000.000
Bà Trần Duy Kiều – Thành viên Hội đồng quản trị	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Trần Vinh – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền – Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	120.000.000	120.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Minh Thư – Phó Tổng Giám đốc	1.257.040.000	-	1.257.040.000
Ông Phạm Viết Đạt – Kế toán trưởng	1.301.100.000	-	1.301.100.000
Cộng	5.721.635.448	1.440.000.000	7.161.635.448

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	Công ty cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tinh Phát Vina	Công ty liên kết của Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa		
Lãi thanh toán quá hạn	302.218.290	403.877.455
Cần trừ tiền cọc thuê bất động sản trước 3 năm (2022 - 2024)	-	9.000.000.000
Mua hàng hóa	21.288.968.182	156.913.635

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là kinh doanh thương mại, mua bán sắt thép (chiếm 97,67% doanh thu Tập đoàn) và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Tập đoàn thực hiện việc điều chỉnh sai sót có liên quan đến việc dự phòng đầu tư tài chính từ các Công ty con dẫn đến việc hồi tố số liệu đầu năm và các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất bị ảnh hưởng. Chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	300	5.985.930.870	(3.012.827.674)	2.973.103.196	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	55.532.499.084	3.012.827.674	58.545.326.758	(*)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.985.292.352	(711.152.847)	6.274.139.505	(*)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	18.846.825.024	711.152.847	19.557.977.871	(*)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	23.733.183.595	711.152.847	24.444.336.442	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ năm 2021 với số tiền 711.152.847 VND và các năm trước năm 2021 với số tiền là 2.301.674.827 VND.
5. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Phạm Viết Đạt
Kế toán trưởng


Vương Quang Diệu
Tổng Giám đốc

0117
NG T
THUON
HẬP K
Y NA
MEX
Ổ CH

S. C. I.
Y
THUAN
HẬP K
Y NA
MEX
Ổ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	397.308.840.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	142.222.574.678	4.661.488.894	568.011.814.014
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm trước	98.453.800.000	-	-	-	(98.453.800.000)	2.300.000.000	2.300.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	24.444.336.442	(4.886.358.571)	19.557.977.871
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	(5.778.522.908)	-	(5.778.522.908)
Trích lập Quỹ Ban quản lý, điều hành trong năm trước	-	-	-	-	(2.889.261.454)	-	(2.889.261.454)
Trích Quỹ tham gia công tác xã hội trong năm trước	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	58.545.326.758	2.075.130.323	580.202.007.523
Số dư đầu năm nay	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	58.545.326.758	2.075.130.323	580.202.007.523
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	(7.050.000.000)	(7.050.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	15.608.097.000	(4.093.063.610)	11.515.033.390
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(4.091.973.047)	-	(4.091.973.047)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong năm nay	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Ảnh hưởng do mua thêm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	(4.971.536.420)	4.971.536.420	-
Số dư cuối năm nay	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	64.089.914.291	(4.096.396.867)	579.575.067.866

Đơn vị tính: VND

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023



(Handwritten signature)

Phạm Viết Đạt
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)
 Trương Quang Diệu
 Tổng Giám đốc

